

2. Công tác kế hoạch:

a) Ở địa phương: Hàng năm, Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành lập dự toán thu, chi ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước, đồng thời phải lập dự toán và thuyết minh chi tiết các khoản thu, chi phí của hoạt động dịch vụ thông tin quảng cáo, các dự án đầu tư phát triển có sử dụng nguồn thu từ quảng cáo trên truyền hình gửi Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố để cân đối vào dự toán thu chi ngân sách của tỉnh và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng thời gửi cho Đài Truyền hình Việt Nam để tổng hợp vào kế hoạch các dự án phát triển ngành Truyền hình.

b) Ở Trung ương: Cùng với việc lập dự toán ngân sách hàng năm, quý, theo quy định chung của Nhà nước, Đài Truyền hình Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp dự toán thu, chi của hoạt động quảng cáo toàn ngành (trong đó chia ra Đài Truyền hình Trung ương và từng Đài Truyền hình tỉnh, thành phố) và các dự án đầu tư theo quy hoạch phát triển của ngành Truyền hình, có sử dụng nguồn thu quảng cáo của các Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh, thành phố, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để cân đối vào dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước và tổng hợp vào dự toán hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý, cấp phát khoản thu từ quảng cáo truyền hình:

Các Đài Phát thanh - Truyền hình khi thu phải sử dụng chứng từ hóa đơn do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành.

Tất cả các khoản chi tiêu phải thực hiện đúng dự toán được duyệt và đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Những dự án chi có tính chất xây dựng cơ bản được áp dụng theo Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 43-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Nghị định.

Căn cứ vào dự toán thu, chi của hoạt động quảng cáo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Đài Truyền hình Việt Nam, các Đài Phát thanh - Truyền hình các địa phương chịu trách nhiệm phân bổ kế hoạch thu, chi và giao nhiệm vụ thu - chi cho từng đơn vị trực thuộc theo các dự án đầu tư hàng năm.

Ngành Tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính - Vật giá, Cục Đầu tư phát triển các địa phương, cơ quan Kho bạc Nhà nước), căn cứ vào số thu, nộp từ hoạt động quảng cáo trên truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh, thành phố, sau khi có xác nhận của

Kho bạc Nhà nước và có đầy đủ các thủ tục sẽ tiến hành cấp phát lại khoản thu nói trên theo dự án được duyệt và tiến độ thực hiện công việc của Đài Trung ương và các Đài địa phương.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình các địa phương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố và cơ quan thuế các cấp để kiểm tra các khoản thu, việc sử dụng và quản lý các khoản thu từ hoạt động thông tin quảng cáo nhằm phát triển toàn ngành Truyền hình theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt.

4. Chế độ kế toán và báo cáo quyết toán:

Đài Truyền hình Việt Nam, các Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương phải tổ chức công tác hạch toán kế toán về dịch vụ quảng cáo theo quy định hiện hành.

Việc xét duyệt, thẩm tra quyết toán hàng năm đối với các dự án được đầu tư bằng nguồn quảng cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 9 năm 1996.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để bổ sung, sửa đổi kịp thời.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TÀO HỮU PHÙNG

QUYẾT ĐỊNH số 100-TC/QLCS ngày 23-1-1997 ban hành Quy chế Quản lý và xử lý tài sản khi có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và được xác lập quyền sở hữu Nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 21 tháng 4 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ về ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178-CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Để thống nhất quản lý Nhà nước đối với tài sản khi có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và xử lý tài sản khi có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và được xác lập quyền sở hữu Nhà nước.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này.

Cục trưởng Cục Quản lý công sản và Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức hướng dẫn kiểm tra thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
NGUYỄN SINH HÙNG

QUY CHẾ Quản lý và xử lý tài sản khi có quyết định tịch thu sung

quỹ Nhà nước và được xác lập quyền sở hữu Nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 100-TC/QLCS ngày 23-1-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Các tài sản được quản lý và xử lý theo Quy chế này bao gồm các loại sau:

1. Mọi tài sản được sử dụng để vi phạm hành chính có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước của các ngành, các cấp có thẩm quyền theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6-7-1995;

2. Những tài sản do cơ quan tòa án và các cơ quan có thẩm quyền xử lý tịch thu sung quỹ Nhà nước theo pháp luật quy định;

3. Những tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định tại Điều 247, 248, 249, 647 của Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Các tài sản là bất động sản mà chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản;

- Những tài sản là cổ vật, là di tích lịch sử, văn hóa và những tài sản có giá trị lớn từ 10 triệu đồng trở lên bị chôn giấu, chìm đắm, trôi dạt được tìm thấy;

- Những tài sản là cổ vật, là di tích lịch sử, văn hóa và những vật có giá trị lớn từ 10 triệu đồng trở lên bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được ai là chủ sở hữu;

- Những di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối quyền hưởng di sản.

4. Những tài sản do những tổ chức, cá nhân trong nước hiến tặng hoặc giao cho tổ chức, cá nhân được xác lập quyền sở hữu Nhà nước của cấp có thẩm quyền.

Điều 2.- Các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tịch thu tài sản sung quỹ Nhà nước và xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với các tài sản nêu ở điểm 1, 2, 3 và 4 Điều 1 Quy chế này (sau đây gọi chung là cơ quan ra quyết định), cơ quan Tài chính khi ra quyết định, thực hiện bàn giao, tiếp nhận, tổ chức quản lý và xử lý thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này.

Điều 3.- Bộ Tài chính thống nhất quản lý Nhà nước đối với mọi tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và các tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước quy định tại Điều 1 của Quy chế này.

Chương II

CHUYỂN GIAO, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC TÀI SẢN TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC VÀ XÁC LẬP SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 4.- Đối với tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tài sản xác lập sở hữu Nhà nước (sau đây gọi chung là tài sản sung quỹ Nhà nước, cơ quan ra quyết định căn cứ vào quy định của Nhà nước, tính chất của tài sản và nội dung của quyết định, thực hiện chuyển giao tài sản và các giấy tờ liên quan hoặc chuyển giao giấy tờ cho cơ quan Tài chính từ cấp huyện trở lên theo nguyên tắc: Tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản xác lập sở hữu Nhà nước phát sinh ở địa bàn nào thì cơ quan ra quyết định chuyển giao tài sản, giấy tờ cho cơ quan Tài chính huyện hoặc tỉnh đó và được thực hiện như sau:

1. Tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền thuộc xã, phường, thị trấn (gọi là cấp xã) và cơ quan có thẩm quyền thuộc huyện, quận, thị xã (gọi là cấp huyện) hoặc cơ quan có thẩm quyền tương đương cấp huyện, xã ra quyết định thì chuyển giao tài sản, giấy tờ cho Phòng Tài chính huyện.

2. Tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là cấp tỉnh) hoặc tương đương cấp tỉnh ra quyết định thì chuyển giao tài sản, giấy tờ cho Sở Tài chính - Vật giá cấp tỉnh.

Điều 5.- Cơ quan ra quyết định tịch thu tài sản sung quỹ Nhà nước có trách nhiệm:

1. Khi quyết định tịch thu tài sản sung quỹ Nhà nước, cơ quan ra quyết định phải lập biên bản ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng của tài sản đó (biên bản lập phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt, người làm chứng) và thông báo cho cơ quan Tài chính biết;

2. Tổ chức bán ngay những tài sản có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước là hàng hóa, vật

phẩm dễ bị hư hỏng; số tiền bán được nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Tài chính cấp huyện trở lên mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định;

3. Nộp ngay vào Kho bạc Nhà nước những tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý và thực hiện chuyển giao những giấy tờ, tài liệu, chứng từ có liên quan tới tài sản đó cho cơ quan Tài chính;

4. Phối hợp với cơ quan Tài chính tổ chức việc chuyển giao những tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước cho các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý, sử dụng loại tài sản đó theo đúng quy định của Nhà nước;

5. Thực hiện việc bàn giao tài sản tịch thu bán sung quỹ Nhà nước kèm theo quyết định tịch thu, biên bản tịch thu, các bản sao hồ sơ, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến các tài sản tịch thu đó cho cơ quan Tài chính theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 6.- Cơ quan ra quyết định xác lập quyền sở hữu Nhà nước có trách nhiệm:

1. Khi ra quyết định xác lập sở hữu Nhà nước đối với các tài sản vô chủ; tài sản bị chôn giấu, chìm đắm, trôi dạt được tìm thấy và những tài sản bị đánh rơi, bỏ quên đến thời hạn trở thành sở hữu Nhà nước và những di sản không có người thừa kế theo quy định của pháp luật, phải ghi rõ nguồn gốc, số lượng, chất lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng của những tài sản được xác lập sở hữu Nhà nước và thông báo cho cơ quan Tài chính biết;

2. Nộp vào Kho bạc Nhà nước những tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý và thực hiện chuyển giao những giấy tờ, tài liệu, chứng từ có liên quan đến tài sản đó cho cơ quan Tài chính;

3. Phối hợp với cơ quan Tài chính tổ chức bán những tài sản là bất động sản không xác định được ai là chủ sở hữu và những tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước không phải là cổ vật, di tích lịch sử, văn hóa có giá trị lớn;

4. Phối hợp với cơ quan Tài chính thực hiện việc chuyển giao các tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước cho cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý, sử dụng hoặc cơ quan Tài chính để quản lý, xử lý hoặc bán theo đúng quyết định.

Điều 7.- Cơ quan, tổ chức được các tổ chức, cá nhân trong nước hiến tặng hoặc giao tài sản để quản lý sử dụng có trách nhiệm:

1. Báo cáo với cơ quan Tài chính cùng cấp về nguồn gốc, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có) tình trạng tài sản và giá trị những tài sản đó;

2. Thực hiện việc ghi chép tăng tài sản, đăng ký tài sản (đối với những tài sản phải đăng ký) theo hướng dẫn của cơ quan Tài chính; tổ chức quản lý theo đúng chế độ quản lý tài sản công do Nhà nước quy định.

Điều 8.- Khi cơ quan ra quyết định chuyển giao tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập sở hữu Nhà nước cho cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước, cũng như giao cho cơ quan có chức năng quản lý, sử dụng tài sản đó quy định tại điểm 3, 4, 5 Điều 5 và điểm 2, 3, 4 Điều 6 của Quy chế này đều phải lập biên bản giao nhận, trong đó phải ghi rõ họ tên người đại diện bên giao, bên nhận, đại diện cơ quan Tài chính; số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng, nguồn gốc, số niêm phong (nếu có) của tài sản bàn giao và các giấy tờ, hồ sơ liên quan kèm theo, cùng chữ ký của đại diện bên giao, bên nhận và đại diện cơ quan Tài chính theo mẫu "Biên bản giao nhận tài sản sung quỹ Nhà nước".

Điều 9.- Các cơ quan ra quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước có trách nhiệm bảo quản chu đáo tài sản cho đến khi thực hiện chuyển giao xong cho cơ quan Tài chính tiếp nhận bảo quản hoặc tiếp tục bảo quản toàn bộ hoặc một phần số tài sản đó tại kho bãi của mình theo ủy quyền của cơ quan Tài chính cho tới khi hoàn tất việc xử lý hoặc bán sung quỹ Nhà nước. Phối hợp với cơ quan Tài chính tổ chức bán đấu giá những tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định tại Quy chế này.

Điều 10.- Cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm:

1. Chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan ra quyết định, phải tổ chức việc tiếp nhận tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước quy định tại điểm 3 Điều 1 Quy chế này hoặc ủy quyền cho cơ quan ra quyết định tiếp tục bảo quản một phần hoặc toàn bộ số tài sản đó cho đến khi hoàn tất việc xử lý hoặc bán sung quỹ Nhà nước;

Giấy ủy quyền cho cơ quan ra quyết định tiếp tục bảo quản hoặc bán tài sản sung quỹ Nhà nước phải ghi rõ: họ tên, chức vụ người được ủy quyền; số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng, nguồn gốc, và số niêm phong (nếu có) của tài sản được ủy quyền bảo quản hoặc bán; trách nhiệm và chế độ được hưởng của cơ quan được ủy quyền theo mẫu "Giấy ủy quyền bảo quản hoặc bán tài sản sung quỹ Nhà nước".

2. Có trách nhiệm bảo quản, đề xuất phương án sử dụng, xử lý, tổ chức bán đối với những tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được

xác lập quyền sở hữu Nhà nước đã tiếp nhận về kho của mình, theo dõi việc bảo quản các tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước đã ủy quyền cho cơ quan ra quyết định bảo quản và hướng dẫn kiểm tra các cơ quan ra quyết định tổ chức bán các tài sản này được ủy quyền;

Đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý nộp Kho bạc Nhà nước, cơ quan Tài chính có trách nhiệm theo dõi hồ sơ, tài liệu làm căn cứ đối chiếu và xử lý sau này.

Riêng đối với tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước là nhà đất, vật kiến trúc gắn liền với nhà đất, trong quá trình bảo quản và xây dựng phương án sử dụng trình cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan Tài chính được phép cho thuê để tận thu cho ngân sách và bù đắp chi phí về quản lý tài sản theo chế độ quy định.

3. Thành lập Hội đồng định giá và bán đấu giá, tổ chức việc bán đấu giá các tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước (gọi chung là tài sản sung quỹ Nhà nước) theo đúng các quy định về bán đấu giá tại Quy chế này và các quy định khác của Nhà nước.

4. Nộp toàn bộ tiền bán tài sản sung quỹ Nhà nước và các khoản thu khác có liên quan vào Ngân sách Nhà nước sau khi trừ đi các chi phí quy định tại Điều 18 của Quy chế này. Cơ quan Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, xem xét các chi phí trên theo đúng chế độ của Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC BÁN TÀI SẢN TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC VÀ TÀI SẢN ĐÃ ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 11. - Trong thời hạn không quá 30 ngày (đối với tài sản sung quỹ Nhà nước là hàng hóa tiêu dùng thông thường), 60 ngày (đối với tài sản sung quỹ Nhà nước là ô tô, xe máy, tàu thuyền, máy móc, thiết bị chuyên dùng...) kể từ ngày tiếp nhận các tài sản này, cơ quan Tài chính phải thành lập Hội đồng định giá bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá số tài sản đó.

1. Thành phần Hội đồng định giá bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước (gọi chung là Hội đồng bán đấu giá) gồm:

- Đại diện cơ quan Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng;

- Đại diện cơ quan ra quyết định làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

Giúp việc Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng được quyền huy động một số thành viên của cơ quan Tài chính và cơ quan ra quyết định.

Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ quan trọng của tài sản tịch thu, tính phức tạp và mối quan hệ của việc bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quyết định mời các thành viên liên quan như Kiểm sát, Công an, Thanh tra và cơ quan chuyên môn kỹ thuật..., để giám định tài sản bán đấu giá.

2. Hội đồng định giá bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước được quyết định thành lập cho từng cuộc bán đấu giá và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 12.- Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá căn cứ Điều 13 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ, các quy định khác của Nhà nước và tùy theo từng loại tài sản sung quỹ Nhà nước để quy định cụ thể đối tượng được tham gia mua tài sản bán đấu giá cho từng cuộc bán tài sản sung quỹ Nhà nước.

Điều 13.- Việc bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp, công khai, trung thực, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

Điều 14.- Hội đồng định giá bán đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tổ chức bán đấu giá tài sản theo đúng nguyên tắc và thủ tục quy định tại Quy chế này.

2. Thông báo, niêm yết công khai, đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết có liên quan đến tài sản bán đấu giá.

3. Trưng bày, cho xem và tham khảo hồ sơ tài sản bán đấu giá.

4. Thực hiện ghi chép về việc bán đấu giá vào sổ đăng ký bán đấu giá và lập văn bản bán đấu giá tài sản.

5. Giao tài sản cho người mua theo đúng quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

6. Làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với tài sản bán đấu giá mà theo quy định của pháp luật tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu.

Điều 15.- Hội đồng định giá bán đấu giá có quyền:

1. Định giá khởi điểm đối với tài sản bán đấu giá.

2. Yêu cầu người mua tài sản thực hiện việc thanh toán theo đúng quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

3. Thu tiền đặt trước theo đúng quy định tại Điều 14 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ và lệ phí đối với những tổ chức, cá nhân tham gia mua tài sản bán đấu giá. Mức thu lệ phí, quản lý và sử dụng tiền lệ phí theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

Điều 16.- Trình tự, thủ tục bán đấu giá được thực hiện như sau:

1. Xác định giá khởi điểm: Chủ tịch Hội đồng định giá bán đấu giá xác định giá khởi điểm với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng.

2. Hội đồng định giá bán đấu giá tổ chức niêm yết bán đấu giá; thông báo công khai việc bán đấu giá; trưng bày, xem tài sản bán đấu giá và tiến hành bán đấu giá theo đúng quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 15 và Điều 16 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

3. Chủ tịch Hội đồng định giá bán đấu giá tiến hành theo đúng quy định tại Điều 16 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

4. Kết thúc cuộc bán đấu giá, Hội đồng định giá bán đấu giá phải lập văn bản bán đấu giá; văn bản bán đấu giá theo đúng quy định tại Điều 17 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

Điều 17.- Đối với tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá:

1. Tổ chức, cá nhân muốn tham gia đấu giá (gọi là người mua) tài sản sung quỹ Nhà nước đều phải đăng ký mua chậm nhất là hai ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá; riêng đối với những tổ chức, cá nhân muốn tham gia đấu giá bất động sản hoặc động sản có giá khởi điểm từ 10 triệu đồng trở lên được thực hiện theo Điều 14 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

2. Tại cuộc bán đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả và việc đấu giá được tổ chức lại ngay theo đúng quy định tại Điều 18 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

3. Sau khi văn bản bán đấu giá đã được lập mà người được mua tài sản bán đấu giá từ chối mua thì thực hiện theo đúng Điều 19 của Quy chế Bán

đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

4. Người mua được tài sản bán đấu giá thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu được thực hiện theo đúng Điều 20 và Điều 21 của Quy chế Bán đấu giá tài sản ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU VỀ BÁN TÀI SẢN TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 18.- Toàn bộ số tiền thu được từ: Bán tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan Tài chính từ cấp huyện trở lên tổ chức bán hoặc do cơ quan ra quyết định được cơ quan Tài chính ủy quyền bán; tiền thu lệ phí bán đấu giá; tiền thu do vi phạm hợp đồng mua bán (nếu có) được gửi vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Tài chính cấp huyện trở lên mở tại Kho bạc Nhà nước và được xử lý như sau:

1. Cơ quan Tài chính căn cứ vào tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí có liên quan đến xử lý tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước (gọi chung là tài sản sung quỹ Nhà nước) do Hội đồng bán đấu giá và cơ quan ra quyết định đề nghị để chi trả cho các khoản sau:

a) Chi phí điều tra, xác minh, bắt giữ, xử lý vi phạm, chi phí khai quật, trục vớt và phí bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản, kiểm nghiệm, giám định tài sản và bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan tài sản sung quỹ Nhà nước (nếu có) tới thời điểm chuyển giao cho cơ quan Tài chính quản lý, xử lý và tổ chức bán;

Trường hợp cơ quan ra quyết định đã được Nhà nước bố trí kho bãi, biên chế, kinh phí thường xuyên, thì cơ quan Tài chính không phải thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó;

b) Chi phí bảo quản, lưu kho, lưu bãi, vận chuyển, bốc xếp từ khi tiếp nhận bàn giao tài sản sung quỹ Nhà nước về cơ quan Tài chính tới khi số tài sản đó được xử lý và tổ chức bán đấu giá;

c) Chi bổ sung kinh phí mua sắm phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác bảo quản hàng hóa cho cơ quan ra quyết định và cơ quan bảo quản xử lý do cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Chi cho công tác tổ chức định giá và bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước theo đúng chế độ Nhà nước quy định;

e) Chi bồi dưỡng, chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân tham gia và có thành tích trong việc phát hiện, xử lý các tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo chế độ hiện hành của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

f) Chi thuê giám định kỹ thuật, định giá tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước (nếu cần);

g) Chi cho sửa chữa tài sản sung quỹ Nhà nước để bán (nếu có).

2. Số tiền còn lại phải chuyển toàn bộ từ tài khoản tạm giữ vào Ngân sách Nhà nước; nếu số tiền thu được không đủ để trang trải các khoản chi nói trên hoặc xử lý không có tiền thu, Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung thêm theo đúng chế độ phân cấp ngân sách hiện hành.

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm xem xét, quyết định các khoản chi tiêu này.

Điều 19.- Phòng Tài chính huyện, Sở Tài chính - Vật giá, Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) có trách nhiệm giúp Ủy ban Nhân dân các cấp và Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quản lý các khoản thu, chi có liên quan đến việc xử lý tài sản tịch thu và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo đúng Quy chế này và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

Cuối năm, cơ quan xử lý tài sản sung quỹ Nhà nước phải quyết toán kết quả thu, chi về xử lý và bán tài sản tịch thu và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước với cơ quan Tài chính các cấp: Sở Tài chính - Vật giá tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, năm với Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn mở tài khoản theo dõi và quản lý, quyết toán các khoản thu chi này theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20.- Cơ quan ra quyết định và cơ quan trực tiếp quản lý, xử lý, bán các tài sản tịch thu và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước không thực hiện đúng hoặc cố tình vi phạm các quy định của Quy chế này đều phải được xử lý nghiêm minh đúng pháp luật.

Điều 21.- Cơ quan, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo quản và tổ chức bán đấu giá tài sản sung quỹ Nhà nước cố tình làm thiệt hại, thất thoát tài sản về hiện vật hoặc giá trị đều phải bồi thường vật chất và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
NGUYỄN SINH HÙNG

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 3-LĐTBXH/TT ngày 13-1-1997 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 23-CP ngày 18-4-1996 của Chính phủ về những quy định riêng đối với lao động nữ.

Thi hành Nghị định số 23-CP ngày 18-4-1996 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ Luật Lao động về những quy định riêng đối với lao động nữ; sau khi có ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và một số Bộ, ngành liên quan Bộ, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 23-CP ngày 18-4-1996 của Chính phủ như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

Đối tượng và phạm vi áp dụng, thực hiện theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 23-CP ngày 18-4-1996. Thông tư này nói rõ thêm một số điểm về đối tượng:

1. Người lao động nữ ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động, thực hiện ký kết hợp đồng lao động;

Trẻ em là nữ chưa đủ 15 tuổi làm việc ở một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Người sử dụng lao động nữ là: Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoặc người được Tổng Giám đốc, Giám đốc ủy quyền bằng văn bản; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức hoặc người được Thủ trưởng ủy quyền bằng văn bản đúng quy định của pháp luật về ủy quyền.

II. VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NỮ

1. Hình thức:

Chế độ làm việc của lao động nữ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 23-CP ngày 18-4-1996 của Chính phủ, bao gồm các hình thức sau:

- Làm việc theo thời gian biểu linh hoạt là việc bố trí, sử dụng lao động nữ làm công việc với thời gian làm việc (thời gian bắt đầu và kết thúc) khác với thời gian làm việc theo quy định chung của cơ quan, đơn vị.

- Làm việc không trọn ngày là việc bố trí, sử dụng lao động nữ làm việc với thời gian ít hơn số giờ làm việc trong một ngày theo quy định chung của cơ quan, đơn vị.

- Làm việc không trọn tuần là việc bố trí, sử dụng lao động nữ làm việc với số ngày ít hơn số ngày làm việc chung của cơ quan, đơn vị trong một tuần lễ.

- Giao việc làm tại nhà là hình thức giao việc cho người lao động nữ làm việc tại nhà (gia đình), vừa không ảnh hưởng đến yêu cầu của sản xuất và kinh doanh, vừa mang lại lợi ích cho cả người lao động và người sử dụng lao động.

Việc áp dụng chế độ làm việc theo các hình thức trên đối với người lao động nữ, doanh nghiệp cần lưu ý đến một số nguyên tắc sau:

2. Nguyên tắc áp dụng:

- Việc xác định công việc nào là thích hợp đối với mỗi hình thức kể trên là do doanh nghiệp chủ động tính toán, áp dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc thỏa thuận và cùng có lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và nguyện vọng chính đáng của người lao động nữ, bảo đảm không được vượt quá 8 giờ trong một ngày, 48 giờ trong một tuần.

- Không được dùng chế độ này để thực hiện việc xử lý kỷ luật đối với trường hợp người lao động nữ vi phạm kỷ luật lao động.

- Không được lợi dụng chế độ làm việc linh hoạt để bố trí, sử dụng lao động nữ làm việc ca đêm trái với pháp luật lao động hiện hành.

- Thu nhập của người lao động nữ khi bố trí làm việc theo các hình thức nêu trên phải theo sự thỏa thuận giữa người lao động nữ và người sử dụng lao động bằng văn bản.

3. Các bước tiến hành:

a) Doanh nghiệp chủ động bàn với công đoàn để xác định những công việc và những hình thức làm việc, tổ chức cho người lao động thảo luận;